

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
KHOA NGOẠI NGỮ  
BỘ MÔN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG PHÁP**



**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP**

**Cần Thơ, tháng 9 năm 2022**



**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP**

**I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Pháp được mô tả như sau:

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình (tiếng Việt)	Sư phạm tiếng Pháp
Tên chương trình (tiếng Anh)	French Teacher Education
Mã số ngành đào tạo	7140233
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Bằng Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy, giáo dục thường xuyên
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);</li><li>- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);</li><li>- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.</li></ul>
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giáo viên, giảng viên tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường cao đẳng và đại học;</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu viên tại các trung tâm, các viện nghiên cứu giáo dục;</li> <li>- Chuyên viên và cán bộ quản lý ở các trường học, các phòng giáo dục, các sở giáo dục;</li> <li>- Biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên nhà hàng, khách sạn, cơ quan ngoại giao, truyền thông...</li> </ul>
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Pháp, ngành giáo dục, quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước và các ngành có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo;</li> <li>- Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp cao hơn trong lĩnh vực giảng dạy và giáo dục;</li> </ul>
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn 1138/KH-ĐHCT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 48 và các văn bản hướng dẫn có liên quan;</li> <li>- Luật Giáo dục Đại học sửa đổi (2018);</li> <li>- Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình các môn học của Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2018;</li> <li>- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;</li> <li>- Khung trình độ quốc gia Việt Nam;</li> <li>- Khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;</li> <li>- Khung tham chiếu ngoại ngữ châu Âu;</li> <li>- Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT);</li> <li>- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp Trường Đại học Hà Nội: <a href="http://hanu.vn/vn/chinh-quy/204-tuy-n-sinh/chuong-trinh-dao-tao/3397-chuong-trinh-dao-tao-nganh-ngon-ngu-phap-he-cu-nhan-chinh-quy.html">http://hanu.vn/vn/chinh-quy/204-tuy-n-sinh/chuong-trinh-dao-tao/3397-chuong-trinh-dao-tao-nganh-ngon-ngu-phap-he-cu-nhan-chinh-quy.html</a>;</li> <li>- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp Trường Đại học Sư phạm TP HCM: <a href="https://drive.google.com/file/d/0B4yz2K6XqhcLeGl4SlB2cmtWek0/view">https://drive.google.com/file/d/0B4yz2K6XqhcLeGl4SlB2cmtWek0/view</a>;</li> <li>- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học ngôn ngữ Trường Đại học Grenoble (Pháp): <a href="http://formations.univ-grenoble-alpes.fr/fr/catalogue/licence-XA/arts-lettres-langues-ALL/licence-sciences-du-langage-program-licence-sciences-du-langage.html">http://formations.univ-grenoble-alpes.fr/fr/catalogue/licence-XA/arts-lettres-langues-ALL/licence-sciences-du-langage-program-licence-sciences-du-langage.html</a>;</li> </ul>

	- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học Ngôn ngữ Trường Đại học Paris 3 (Pháp): <a href="http://www.univ-paris3.fr/medias/fichier/sc-du-langage-septembre-2017_1506691367075.pdf">http://www.univ-paris3.fr/medias/fichier/sc-du-langage-septembre-2017_1506691367075.pdf</a> .
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 9 năm 2022

## 2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

### 2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo là đào tạo sinh viên trở thành giáo viên có năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành để giảng dạy môn Tiếng Pháp trong các trường phổ thông; có khả năng làm công tác tư vấn, nghiên cứu, quản lý ở các trường học, cơ sở đào tạo, các cơ sở quản lý giáo dục; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo:

a. Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, năng lực ngoại ngữ 2 bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;

b. Trang bị cho sinh viên năng lực ngôn ngữ tiếng Pháp bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, kiến thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và theo yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông;

c. Hình thành và phát triển các năng lực: giao tiếp, học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác; có sức khỏe; tác phong sư phạm; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; khả năng thích ứng với môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa;

d. Hình thành phát triển năng lực làm việc trong các ngành nghề phù hợp với chuyên môn và các năng lực ngôn ngữ đã được đào tạo, có năng lực học tập sau đại học ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp hoặc các ngành phù hợp khác.

## 3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

### 3.1. Kiến thức

#### 3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật; kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước;

b. Nắm vững kiến thức về tiếng Việt, về ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc ngoại ngữ 2 khác) tương đương trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; kiến thức công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng quy định của trình độ đào tạo. ...

### **3.1.2. *Khối kiến thức cơ sở ngành***

- a. Nắm vững kiến thức về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm; công tác dạy học trong nhà trường trung học phổ thông; vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục học sinh;
- b. Nắm vững kiến thức ngôn ngữ và văn hóa Pháp được quy định trong bậc 5 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam....

### **3.1.3. *Khối kiến thức chuyên ngành***

- a. Nắm vững các xu hướng dạy học hiện đại trong dạy học môn học và các nguyên tắc trong thiết kế chương trình môn học trong trường phổ thông, các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp nghiên cứu khoa học môn học tiếng Pháp theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học;
- b. Nắm vững kiến thức về khoa học ngôn ngữ và ngôn ngữ học ứng dụng trong giảng dạy tiếng Pháp phổ thông và tiếng Pháp chuyên ngành....

## **3.2. *Kỹ năng***

### **3.2.1. *Kỹ năng cứng***

- a. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục;
- b. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng những phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;
- c. Vận dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; biết hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh;
- d. Vận dụng linh hoạt quy định về công tác tư vấn và hỗ trợ học sinh; thực hiện lồng ghép hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục; thực hiện hiệu quả các biện pháp tư vấn và hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục; biết hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả hoạt động tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục;
- e. Sử dụng thành thạo những kỹ năng ngôn ngữ tiếng Pháp tương đương bậc 5 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam....

### **3.2.2. Kỹ năng mềm**

- a. Lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát quá trình làm việc một cách hiệu quả, sáng tạo trong chuyên môn; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn; sử dụng hiệu quả ngoại ngữ 2, nhằm phục vụ các mục đích giao tiếp, học tập, nghiên cứu và phát triển chuyên môn;
- b. Giao tiếp hiệu quả trong môi trường học tập, làm việc đa dạng; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các hoạt động học tập, chuyên môn liên quan lĩnh vực giảng dạy tiếng Pháp....

### **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- a. Có thái độ làm việc độc lập, làm việc nhóm tích cực, có tinh thần chịu trách nhiệm với bản thân và nhóm trong các hoạt động; chủ động trong công tác và hợp tác với đồng nghiệp, tổ chức và cộng đồng, có khả năng tự định hướng kế hoạch hành động và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;
- b. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tận tâm, nhiệt tình, thương yêu và tôn trọng nhân phẩm và ý kiến của người khác, đối xử công bằng và bình đẳng với người khác....

## **4. Tiêu chí tuyển sinh**

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

## 5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

### 5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (3)														
	Kiến thức (3.1)						Kỹ năng (3.2)						Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)		
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)				
	a	b	a	b	a	b	a	b	c	d	e	a	b	a	b
2.2a	X	X										X			
2.2b		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X
2.2c	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.2d	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

### 5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)															
			Kiến thức (3.1)						Kỹ năng (3.2)						Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	a	b	a	b	c	d	e	a	b	a	b	
<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>																		
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	X										X		X	X	X	X
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	X										X		X	X	X	X
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	X										X		X	X	X	X
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	X										X		X	X	X	X
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	X										X		X	X	X	X
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)		X									X		X	X	X	X
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)		X									X		X	X	X	X
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)		X									X		X	X	X	X
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)		X									X		X	X	X	X
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)		X									X		X	X	X	X
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)		X									X		X	X	X	X
12	TN033	Tin học căn bản (*)		X									X		X	X	X	X
13	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	X										X		X	X	X	X
14	ML014	Triết học Mác - Lênin	X										X		X	X	X	X
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X										X		X	X	X	X
16	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X										X		X	X	X	X
17	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X										X		X	X	X	X



18	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X								X		X	X	X	X
19	KL001E	Pháp luật đại cương	X								X		X	X	X	X
20	ML007	Logic học đại cương	X								X		X	X	X	X
21	XH028	Xã hội học đại cương	X								X		X	X	X	X
22	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	X					X	X	X	X		X	X	X	X
23	XH012	Tiếng Việt thực hành		X				X	X	X	X		X	X	X	X
24	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	X								X		X	X	X	X
25	KN001	Kỹ năng mềm		X				X	X	X	X		X	X	X	X
26	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp		X				X	X	X	X		X	X	X	X
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>																
27	SP009	Tâm lý học đại cương			X			X	X	X	X		X	X	X	X
28	SP010	Tâm lý học sư phạm			X			X	X	X	X		X	X	X	X
29	SG011E	Quản lý Hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT			X			X	X	X	X		X	X	X	X
30	SP079	Giáo dục học			X			X	X	X	X		X	X	X	X
31	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông			X			X	X	X	X		X	X	X	X
32	FL268	Phân tích tác nghiệp - PV			X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
33	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững			X			X	X	X	X		X	X	X	X
34	FL269	Sử dụng tài liệu thực trong giảng dạy - PV			X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
35	SG394	Giáo dục hòa nhập			X			X	X	X	X		X	X	X	X
36	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm			X			X	X	X	X		X	X	X	X
37	TV205	Đọc hiểu 1 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
38	TV206	Đọc hiểu 2 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
39	TV207	Đọc hiểu 3 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
40	TV208	Đọc hiểu 4 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
41	TV209	Viết 1 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
42	TV210	Viết 2 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
43	TV211	Viết 3 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
44	FL261	Viết 4 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
45	TV201	Nghe Nói 1 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
46	TV202	Nghe Nói 2 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
47	TV203	Nghe Nói 3 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
48	TV204	Nghe Nói 4 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
49	TV213	Ngữ pháp 1 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
50	TV214	Ngữ pháp 2 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
51	TV215	Ngữ pháp 3 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
52	TV216	Ngữ pháp 4 - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
53	TV217	Ngữ âm thực hành - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

54	FL236	Ngữ pháp văn bản tiếng Pháp				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
55	FL257	Tình huống phát ngôn tiếng Pháp				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
56	FL270	Ngữ âm thực hành nâng cao - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>																	
57	FL228E	Lý luận dạy học tiếng Pháp					X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
58	SG336	Phương pháp dạy học Tiếng Pháp					X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
59	FL271	Phát triển chương trình giảng dạy tiếng Pháp					X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
60	FL272	Đánh giá kết quả học tập Tiếng Pháp					X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
61	FL273E	Khai thác học liệu trực tuyến tiếng Pháp	X				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
62	FL274E	Khai thác các phần mềm dạy học tiếng Pháp	X				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
63	FL275	Giảng dạy từ vựng - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
64	FL276	Giảng dạy từ vựng nâng cao - PV				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
65	SP267	Văn bản khoa học				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
66	SP266	Văn bản văn học				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
67	SG347	Trò chơi trong dạy học tiếng Pháp					X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
68	SG348	Dạy tiếng Pháp cho trẻ em					X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
69	FL226	Giao thoa văn hóa Tiếng Pháp				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
70	FL277	Phương pháp nghiên cứu khoa học Tiếng Pháp					X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
71	SP269	Kỹ thuật báo cáo chuyên đề				X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
72	XH287	Ngữ dụng học - Pháp				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
73	SG367	Ngôn ngữ học đối chiếu - PV				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
74	TV231	Các loại hình văn bản				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
75	SG344	Soạn giáo án Tiếng Pháp					X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
76	SG341	Tập giảng Tiếng Pháp					X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
77	SP597	Kiểm tập sư phạm					X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
78	SP598	Thực tập sư phạm					X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
79	SP573	Luận văn tốt nghiệp - SP.Tiếng Pháp				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
80	SP572	Tiểu luận tốt nghiệp - SP.Tiếng Pháp				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
81	FL253	Tiếng Pháp du lịch				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
82	FL255	Tiếng Pháp nhà hàng và khách sạn				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
83	SG370	Kỹ thuật biên dịch tư liệu - PV				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
84	FL216	Kỹ thuật phiên dịch tiếng Pháp				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
85	SP300	Tiếng Pháp thương mại				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
86	SG372	Văn bản báo chí - PV				X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
87	SG373	Kỹ năng tìm việc - PV				X		X					X	X	X	X	X

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Sư phạm tiếng Pháp được mô tả như sau:

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa : 141 tín chỉ  
 Khối kiến thức giáo dục đại cương : 39 tín chỉ (Bắt buộc: 24 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)  
 Khối kiến thức cơ sở ngành : 55 tín chỉ (Bắt buộc: 49 tín chỉ; Tự chọn: 06 tín chỉ)  
 Khối kiến thức chuyên ngành : 47 tín chỉ (Bắt buộc: 29 tín chỉ; Tự chọn: 18 tín chỉ)

### 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III
12	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III
13	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III
14	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
16	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
17	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
18	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
19	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
20	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III
21	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
22	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
23	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III
24	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
25	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
26	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2		20	20			I,II,III	
<b>Cộng: 39 TC (Bắt buộc 24 TC; Tự chọn: 15 TC)</b>										
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>										
27	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III
28	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		I,II,III
29	SG011E	Quản lý Hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				I,II,III
30	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		I,II,III
31	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079		I,II,III
32	FL268	Phân tích tác nghiệp - PV	2		2	30				I,II
33	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2			30		SP079		I,II,III
34	FL269	Sử dụng tài liệu thực trong giảng dạy - PV	2		2	30				I,II
35	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30				I,II,III
36	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2		30				I,II,III	
37	TV205	Đọc hiểu 1 - PV	2	2		30				I,II
38	TV206	Đọc hiểu 2 - PV	2	2		30		TV205		I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
39	TV207	Độc hiểu 3 - PV	2	2		30		TV206		I,II
40	TV208	Độc hiểu 4 - PV	2	2		30		TV207		I,II
41	TV209	Viết 1 - PV	2	2		30				I,II
42	TV210	Viết 2 - PV	2	2		30		TV209		I,II
43	TV211	Viết 3 - PV	2	2		30		TV210		I,II
44	FL261	Viết 4 - PV	2	2		30		TV211		I,II
45	TV201	Nghe Nói 1 - PV	3	3		45				I,II
46	TV202	Nghe Nói 2 - PV	3	3		45		TV201		I,II
47	TV203	Nghe Nói 3 - PV	3	3		45		TV202		I,II
48	TV204	Nghe Nói 4 - PV	3	3		45		TV203		I,II
49	TV213	Ngữ pháp 1 - PV	2	2		30				I,II
50	TV214	Ngữ pháp 2 - PV	2	2		30		TV213		I,II
51	TV215	Ngữ pháp 3 - PV	2	2		30		TV214		I,II
52	TV216	Ngữ pháp 4 - PV	2	2		30		TV215		I,II
53	TV217	Ngữ âm thực hành - PV	2			30				I,II
54	FL236	Ngữ pháp văn bản tiếng Pháp	2		2	30		TV216		I,II
55	FL257	Tình huống phát ngôn tiếng Pháp	2			30		TV216		I,II
56	FL270	Ngữ âm thực hành nâng cao - PV	2	2		30				I,II
<b>Cộng: 55 TC (Bắt buộc 49 TC; Tự chọn: 6 TC)</b>										
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>										
57	FL228E	Lý luận dạy học tiếng Pháp	2	2		30				I,II
58	SG336	Phương pháp dạy học Tiếng Pháp	2	2		30				I,II
59	FL271	Phát triển chương trình giảng dạy tiếng Pháp	2	2		30				I,II
60	FL272	Đánh giá kết quả học tập Tiếng Pháp	3	3		30	30			I,II
61	FL273E	Khai thác học liệu trực tuyến tiếng Pháp	2	2		15	30	TN034		I,II
62	FL274E	Khai thác các phần mềm dạy học tiếng Pháp	2	2		15	30	TN034		I,II
63	FL275	Giảng dạy từ vựng - PV	2	2		30				I,II
64	FL276	Giảng dạy từ vựng nâng cao - PV	2			30				I,II
65	SP267	Văn bản khoa học	2		2	15	30	FL261		I,II
66	SP266	Văn bản văn học	2			15	30	TV208		I,II
67	SG347	Trò chơi trong dạy học tiếng Pháp	2			30				I,II
68	SG348	Dạy tiếng Pháp cho trẻ em	2		2	30				I,II
69	FL226	Giao thoa văn hóa Tiếng Pháp	3	3		30	30			I,II
70	FL277	Phương pháp nghiên cứu khoa học Tiếng Pháp	2	2		15	30			I,II
71	SP269	Kỹ thuật báo cáo chuyên đề	2				60			I,II
72	XH287	Ngữ dụng học - Pháp	2		2	15	30			I,II
73	SG367	Ngôn ngữ học đối chiếu - PV	2			15	30			I,II
74	TV231	Các loại hình văn bản	2		2	30				I,II
75	SG344	Soạn giáo án Tiếng Pháp	2	2		30		SG336		I,II
76	SG341	Tập giảng Tiếng Pháp	2	2			60	SG336		I,II
77	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SP079		I,II
78	SP598	Thực tập sư phạm	3	3			90	SG341		I,II
79	SP573	Luận văn tốt nghiệp - SP.Tiếng Pháp	10				300	≥ 105 TC		I,II
80	SP572	Tiểu luận tốt nghiệp - SP.Tiếng Pháp	4				120	≥ 105 TC		I,II
81	FL253	Tiếng Pháp du lịch	3			30	30	TV204		I,II
82	FL255	Tiếng Pháp nhà hàng và khách sạn	3			45		TV204		I,II
83	SG370	Kỹ thuật biên dịch tư liệu - PV	2		10	15	30	TV208		I,II
84	FL216	Kỹ thuật phiên dịch tiếng Pháp	2			15	30	TV204		I,II
85	SP300	Tiếng Pháp thương mại	2			30		TV204		I,II
86	SG372	Văn bản báo chí - PV	2			30		TV208		I,II
87	SG373	Kỹ năng tìm việc - PV	2			30		FL261		I,II
<b>Cộng: 47 TC (Bắt buộc: 29 TC; Tự chọn: 18 TC)</b>										
<b>Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 102 TC; Tự chọn: 39 TC)</b>										

(\*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

### 3. Kế hoạch dạy học

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
<b>Học kỳ 1</b>									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8		
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56		
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30			
6	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			
7	TV213	Ngữ pháp 1 - PV	2	2		30			
		<b>Cộng</b>	<b>13</b>	<b>13</b>					
<b>Học kỳ 2</b>									
8	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
9	XH023	Anh văn căn bản 1	4		4	60			
10	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009	
11	TV217	Ngữ âm thực hành - PV	2			30			
12	FL236	Ngữ pháp văn bản tiếng Pháp	2		2	30		TV216	
13	FL257	Tình huống phát ngôn tiếng Pháp	2			30		TV216	
14	TV201	Nghe nói 1 - PV	3	3		45			
15	TV205	Đọc hiểu 1 - PV	2	2		30			
16	TV209	Viết 1 - PV	2	2		30			
17	FL275	Giảng dạy từ vựng - PV	2	2		30			
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	<b>6</b>				
<b>Học kỳ 3</b>									
18	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		30		ML014	
19	TC100	Giáo dục thể chất 1	1		1		30		
20	XH024	Anh văn căn bản 2	3		3	45			
21	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60		
22	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010	
23	TV214	Ngữ pháp 2 - PV	2	2		30		TV213	
24	TV202	Nghe nói 2 - PV	3	3		45		TV201	
25	TV206	Đọc hiểu 2 - PV	2	2		30		TV205	
26	TV210	Viết 2 - PV	2	2		30		TV209	
27	FL276	Giảng dạy từ vựng nâng cao - PV	2			30			
28	SP267	Văn bản khoa học	2		2	15	30	FL261	
29	SP266	Văn bản văn học	2			15	30	TV208	
30	FL228E	Lý luận dạy học tiếng Pháp	2	2		30			
		<b>Cộng</b>	<b>24</b>	<b>18</b>	<b>6</b>				
<b>Học kỳ 4</b>									
31	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
32	TC100	Giáo dục thể chất 2	1		1		30		
33	XH025	Anh văn căn bản 3	3		3	45		XH024	
34	SG131	HDGD trong nhà trường PT	2	2		15	30	SP079	
35	FL268	Phân tích tác nghiệp - PV	2			30			
36	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30		SP079	
37	SG011E	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30			
38	SG336	PP dạy học tiếng Pháp	2	2		30			
39	TV215	Ngữ pháp 3 - PV	2	2		30		TV214	
40	TV203	Nghe nói 3 - PV	3	3		45		TV202	
41	TV207	Đọc hiểu 3 - PV	2	2		30		TV206	

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
42	TV211	Viết 3 - PV	2	2		30		TV210	
		<b>Cộng</b>	<b>23</b>	<b>17</b>	<b>6</b>				
<b>Học kỳ 5</b>									
43	ML019	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
44	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30			
45	TC100	Giáo dục thể chất 3	1		1		30		
46	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		2	30			
47	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
48	ML007	Logic học đại cương	2			30			
49	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
50	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
51	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
52	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
53	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SP079	
54	TV216	Ngữ pháp 4 - PV	2	2		30		TV215	
55	TV204	Nghe Nói 4 - PV	3	3		45		TV203	
56	TV208	Đọc hiểu 4 - PV	2	2		30		TV207	
57	FL261	Viết 4 - PV	2	2		30		TV211	
58	FL273E	Khai thác học liệu trực tuyến tiếng Pháp	2	2		15	30	TN034	
59	SP269	Kỹ thuật báo cáo chuyên đề	2		2		60		
60	XH287	Ngữ dụng học - Pháp	2			15	30		
		<b>Cộng</b>	<b>22</b>	<b>17</b>	<b>5</b>				
<b>Học kỳ 6</b>									
61	ML021	Tư tưởng HCM	2	2		30		ML019	
62	SG367	Ngôn ngữ học đối chiếu - PV	2		2	15	30		
63	TV231	Các loại hình văn bản	2			30			
64	FL269	Sử dụng tài liệu thực trong giảng dạy	2		2	30			
65	SG394	Giáo dục hoà nhập	2			30			
66	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2			30			
67	FL274E	Khai thác các phần mềm dạy học tiếng Pháp	2	2		15	30	TN034	
68	SG347	Trò chơi trong dạy học tiếng Pháp	2		2	30	0		
69	SG348	Dạy tiếng Pháp cho trẻ em	2			30	0		
70	FL272	Đánh giá kết quả học tập tiếng Pháp	3	3		30	30		
71	FL271	Phát triển chương trình giảng dạy tiếng Pháp	2	2		30			
72	FL226	Giao thoa văn hóa tiếng Pháp	3	3		30	30		
73	FL270	Ngữ âm thực hành nâng cao - PV	2	2		30			
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	<b>6</b>				
<b>Học kỳ 7</b>									
74	FL277	Phương pháp NCKH tiếng Pháp	2	2		15	30		
75	SG344	Soạn giáo án tiếng Pháp	2	2		30		SG336	
76	SG341	Tập giảng tiếng Pháp	2	2			60	SG336	
77	SP572	Tiểu luận tốt nghiệp - SP.Tiếng Pháp	4				120	≥ 105 TC	
78	FL253	Tiếng Pháp du lịch	3		10	30	30	TV204	
79	FL255	Tiếng Pháp nhà hàng và khách sạn	3			45		TV204	
80	SG370	Kỹ thuật biên dịch tư liệu - PV	2			15	30	TV208	

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
81	FL216	Kỹ thuật phiên dịch tiếng Pháp	2			15	30	TV204	
82	SG373	Kỹ năng tìm việc – PV	2			30		FL261	
83	SG372	Văn bản báo chí - PV	2			30		TV208	
84	SP300	Tiếng Pháp thương mại	2			30		TV204	
		<b>Cộng</b>	<b>16</b>	<b>6</b>	<b>10</b>				
<b>Học kỳ 8</b>									
85	SP598	Thực tập sư phạm	3	3			90	SG341	
86	SP573	Luận văn tốt nghiệp – SP. Tiếng Pháp	10		10		300	≥ 105 TC	
		<b>Cộng</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>10</b>				
		<b>Tổng</b>	<b>141</b>	<b>102</b>	<b>39</b>				

#### 4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Học phần đề cập đến những lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Giới thiệu về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Học phần giới thiệu những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Học phần này đề cập đến các nội dung quân sự chung nhằm trang bị cho người học một số kiến thức về chế độ sinh hoạt, nề nếp chính quy, kỹ năng cơ bản thực hành các động tác Điều lệnh đội ngũ và các kỹ năng quân sự cần thiết, hiểu biết kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện sức khỏe qua các nội dung quân sự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Học phần đề cập đến các nội dung kết hợp Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiêu liên AK, rèn luyện kỹ thuật sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và nhiệm vụ canh gác, canh giới.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+ 1+ 1	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương ứng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ	Khoa Ngoại ngữ



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
12	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
13	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
14	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	Trong học phần này sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác-Lênin bao gồm : Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng : vật chất và ý thức,	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử : Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội, giai cấp và dân tộc; Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác-Lênin bao gồm : Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	Khoa Khoa học Chính trị
16	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như : sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
17	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị
18	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
19	KL001E	Pháp luật đại cương	2	Học phần được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ ngồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp	Khoa Luật

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành Bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	
20	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện. 7. Cấu trúc.	Khoa Khoa học Chính trị
21	XH028	Xã hội học đại cương	2	Học phần nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
22	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
23	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giải yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
24	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Học phần trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
25	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học : kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp, các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng quản lý cảm xúc và kỹ năng tìm việc và phỏng vấn tuyển dụng.	Trung tâm tư vấn, hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
26	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm tư vấn, hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên
27	SP009	Tâm lý học đại cương	2	Học phần giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người, chức năng và các loại hiện tượng tâm lý người, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể; Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ, ngôn ngữ của con người và ứng dụng của các quá trình nhận thức vào trong hoạt động thực tiễn; Khái niệm và bản chất của nhân cách, các thuộc tính tâm lý nhân cách và các con đường hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách, nguyên nhân và biện pháp khắc phục chúng.	Khoa Sư phạm
28	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề cơ bản của tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Lý luận về sự phát triển tâm lý lứa tuổi; Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở; Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông; Bản chất của hoạt động dạy và hoạt động học; sự hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo trong dạy học; dạy học và sự phát triển trí tuệ của học sinh; Đạo đức và cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức; các con đường giáo dục đạo đức cho học sinh; đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên, cấu trúc nhân cách của người giáo viên trong nhà trường phổ thông. Những vấn đề cơ bản về giao tiếp sư phạm và nghệ thuật ứng xử sư phạm trong nhà trường phổ thông	Khoa Sư phạm
29	SG011E	Quản lý Hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học Nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục. Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục. Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
30	SP079	Giáo dục học	3	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức về chung về giáo dục con người được thể hiện cụ thể qua các nội dung như: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ, các con đường và nguyên lý giáo dục; hệ thống kiến thức chung về dạy học như: Quá trình dạy học, quy luật và nguyên tắc dạy học, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; hệ thống kiến thức chung về giáo dục hạnh kiểm cho học sinh như: Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục.	Khoa Sư phạm
31	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về công tác chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông như: Giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông; hệ thống kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm ở trung học phổ thông như: Mục tiêu tổ chức hoạt động giáo dục, nội dung và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, phương pháp và phương tiện sử dụng trong tổ chức hoạt động giáo dục, quy trình tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá trong tổ chức hoạt động giáo dục.	Khoa Sư phạm
32	FL268	Phân tích tác nghiệp - PV	2	Học phần Phân tích tác nghiệp giúp sinh viên phát triển kỹ năng tường thuật chính xác hoạt động giảng dạy của bản thân, phân tích đánh giá hoạt động giảng dạy của bản thân hay của người khác mà mình quan sát được. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu và thực hành các kiến thức và kỹ năng về phân tích tác nghiệp như cơ sở lý luận, tầm quan trọng của phân tích tác nghiệp trong việc nâng cao nghiệp vụ sư phạm, đối tượng, qui trình, yêu cầu của phân tích tác nghiệp, các công cụ phân tích tác nghiệp....	Khoa Ngoại ngữ
33	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	Học phần cung cấp người học những khái niệm về Giáo dục so sánh; mục đích, nhiệm vụ và đối tượng của Giáo dục so sánh; nguyên tắc nghiên cứu Giáo dục so sánh; cách tiếp cận nghiên cứu so sánh giáo dục; kỹ thuật so sánh giáo dục; so sánh giáo dục Việt Nam với giáo dục một số nước trên thế giới. Khái niệm, mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, mô hình và chỉ tiêu phát triển bền vững; những mâu thuẫn, thách thức nảy sinh trong quá trình phát triển của thế giới hiện đại; kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển bền vững; định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam; khái niệm, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục bền vững.	Khoa Sư phạm
34	FL269	Sử dụng tài liệu thực trong giảng dạy - PV	2	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết về việc sử dụng tài liệu thực trong giảng dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ. Trên cơ sở những kiến thức học được, sinh viên biết khai thác một cách hiệu quả các loại tài liệu này trong việc giảng dạy.	Khoa Ngoại ngữ
35	SG394	Giáo dục hòa nhập	2	Học phần trang bị cho sinh viên tri thức khái quát chung về giáo dục hòa nhập bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập, phương pháp nghiên cứu giáo dục hòa nhập, khái niệm giáo dục hòa nhập, tính tất yếu của giáo dục hòa	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nhập, các phương thức giáo dục trẻ khuyết tật; Phân loại học sinh khuyết tật; Dạy học hòa nhập bao gồm : yêu cầu trong dạy học hòa nhập, điều chỉnh trong dạy học hòa nhập, thiết kế và thực hiện bài học hòa nhập, đánh giá kết quả dạy học hòa nhập; Hỗ trợ giáo dục hòa nhập bao gồm : nội dung hỗ trợ giáo dục hòa nhập, lực lượng hỗ trợ giáo dục hòa nhập.	
36	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2	Học phần này giúp cho sinh viên tổng hợp những kiến thức về tâm lý và giáo dục làm nền tảng để giao tiếp và ứng xử phù hợp trong các tình huống sư phạm phổ biến ở nhà trường phổ thông. Học phần gồm 3 chương: chương 1 – Cơ sở lý luận về tình huống sư phạm; chương 2 – Kỹ năng cần thiết trong xử lý tình huống sư phạm; chương 3 – Một số tình huống sư phạm phổ biến và cách xử lý.	Khoa Sư phạm
37	TV205	Đọc hiểu 1 - PV	2	Học phần giúp sinh viên đọc hiểu hiệu quả các văn bản ngắn (100-180 từ) bằng tiếng Pháp về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống thường ngày (các tình huống giao tiếp mang tính riêng tư, nơi công cộng, nơi làm việc, trong học hành). Trong học phần này, sinh viên được rèn luyện các kỹ thuật đọc cơ bản để xác định nhanh thể loại, mục đích giao tiếp của một văn bản ngắn bằng tiếng Pháp và nắm bắt nhanh nội dung của văn bản đó qua các dấu hiệu cận văn bản, từ khóa, các từ đã biết... và qua khai thác ngữ cảnh, vốn kiến thức nền sẵn có. Học phần này nhằm chuẩn bị cho sinh viên có đủ khả năng tiếp cận các văn bản bằng tiếng Pháp trình độ A1 theo Khung tham chiếu ngôn ngữ chung châu Âu.	Khoa Ngoại ngữ
38	TV206	Đọc hiểu 2 - PV	2	Học phần giúp sinh viên đọc hiểu hiệu quả các tài liệu bằng tiếng Pháp thuộc các thể loại văn bản như quảng cáo, tờ rơi, thư cá nhân, bảng hướng dẫn sử dụng một thiết bị, hướng dẫn nấu một món ăn, một bảng nội qui hay hiểu được một văn bản thông tin ngắn gọn về một lĩnh vực, sự kiện... mang tính thời sự. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu và thực hành các từ vựng quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong lĩnh vực mà mình quan tâm thông qua các bài đọc; các cấu trúc câu thường được sử dụng khi viết về các chủ đề như viết thư mời, thư trả lời đồng ý, từ chối, thư hỏi thông tin... Và quan trọng hơn hết là sinh viên được rèn luyện các kỹ thuật đọc cơ bản để nắm bắt nhanh nội dung một văn bản tiếng Pháp. Học phần này nhằm chuẩn bị cho sinh viên có đủ khả năng tiếp cận các văn bản bằng tiếng Pháp trình độ A2 (khoảng 180 – 250 từ).	Khoa Ngoại ngữ
39	TV207	Đọc hiểu 3 - PV	2	Học phần giúp sinh viên đọc hiểu hiệu quả các văn bản bằng tiếng Pháp có độ dài khoảng 250-300 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu và thực hành đọc hiểu những bức thư cá nhân, những văn bản tường thuật hay đánh giá, trình bày ý kiến, quan điểm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng đọc chuyên sâu để nắm được ý chính và nội dung chi tiết một văn bản tiếng Pháp. Học phần này nhằm chuẩn bị cho sinh viên có đủ khả năng tiếp cận các văn bản bằng tiếng Pháp trình độ A2-B1 theo Khung tham chiếu ngôn ngữ chung châu Âu.	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
40	TV208	Đọc hiểu 4 - PV	2	Học phần giúp sinh viên đọc hiểu hiệu quả các tài liệu quảng cáo, bài báo bằng tiếng Pháp có độ dài từ 300 đến 350 từ viết về các chủ đề quen thuộc và thời sự như gia đình, học tập, giải trí, công việc, sức khỏe, giao thông và du lịch, dịch vụ, thông tin và truyền thông, đời sống cộng đồng, môi trường... Trong học phần này, sinh viên sẽ được học các từ vựng, cấu trúc câu liên quan đến các chủ đề vừa nêu, được rèn luyện các kỹ thuật đọc nâng cao, đủ khả năng tiếp cận các văn bản bằng tiếng Pháp trình độ B1 theo Khung tham chiếu ngôn ngữ chung châu Âu.	Khoa Ngoại ngữ
41	TV209	Viết 1 - PV	2	Học phần giúp sinh viên làm quen với định dạng một lá thư gia đình/bạn bè và thực hành viết những đoạn văn đơn giản, từ những từ vựng thường sử dụng trong cuộc sống. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng viết những lá thư cho gia đình/bạn bè để giới thiệu các hoạt động cá nhân thường ngày, về gia đình/người thân/bạn bè, về trường/lớp, về khu phố/xóm giềng... Học phần này nhằm chuẩn bị cho sinh viên có đủ khả năng viết một lá thư ngắn nhằm kể lại thói quen hoặc miêu tả một người, tiếng Pháp trình độ A1.	Khoa Ngoại ngữ
42	TV210	Viết 2 - PV	2	Học phần giúp sinh viên thực hành viết những đoạn văn đơn giản, từ những từ vựng thường sử dụng trong cuộc sống. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng viết những lá thư gia đình/bạn bè để thông báo một sự kiện và mời, để trả lời một lời mời (cảm ơn, từ chối, chấp nhận), và để đưa ra một lời khuyên/lời chỉ dẫn. Học phần này nhằm chuẩn bị cho sinh viên có đủ khả năng tiếp cận các văn bản bằng tiếng Pháp trình độ A2.	Khoa Ngoại ngữ
43	TV211	Viết 3 - PV	2	Học phần giúp sinh viên thực hành viết bài văn miêu tả một địa danh hay một danh lam thắng cảnh nổi tiếng, thực hành viết về một sự kiện đã qua trong quá khứ (một lễ hội văn hoá hay một chuyến đi đã diễn ra trong quá khứ). Sinh viên sẽ áp dụng được những cấu trúc, từ vựng liên quan tới những chủ đề được học và thực hiện được bài viết theo đúng yêu cầu của từng dạng bài.	Khoa Ngoại ngữ
44	FL261	Viết 4 - PV	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được học và nắm vững cách viết một bài văn nghị luận để có thể thực hành viết dạng bài này sao cho logic, rõ ràng, mạch lạc nhất với những luận điểm chặt chẽ để thuyết phục người đọc về một chủ đề liên quan đến các lĩnh vực của đời sống hàng ngày. Để làm được điều đó, sinh viên cần tiếp thu và áp dụng cách sử dụng các từ nối, cách lập luận hay biện luận hợp lý với từng chủ đề được đưa ra. Sinh viên cũng sẽ được làm quen với hình thức thư hành chính, nắm được bố cục bức thư, qui tắc viết từng phần của bức thư, văn phong khi viết thư hành chính và tập viết một bức thư trình bày lý do, động cơ để xin việc, xin học bổng...	Khoa Ngoại ngữ
45	TV201	Nghe Nói 1 - PV	3	Học phần nhằm giúp sinh viên nghe hiểu và diễn đạt bằng tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp đơn giản trong cuộc sống thường ngày quanh mình. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu và thực hành các từ vựng, cấu trúc câu và ngữ âm để có thể diễn đạt bằng tiếng Pháp như giới thiệu thông tin cá nhân, làm quen với người khác, giới thiệu về gia đình,	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				về sở thích, về các hình thức giải trí và về các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày của bản thân hay người khác. Sinh viên cũng sẽ được rèn luyện kỹ năng nghe hiểu thông qua các tình huống giao tiếp đơn giản. học phần này nhằm giúp cho sinh viên có thể nghe hiểu và diễn đạt tiếng Pháp tương đương bậc 1-2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.	
46	TV202	Nghe Nói 2 - PV	3	Học phần giúp sinh viên phát triển khả năng nghe nói thông qua các tình huống giao tiếp đơn giản trong cuộc sống hằng ngày như hỏi thông tin đi đường, chấp nhận và từ chối lời mời, cho và nhận lời khuyên và kể về kinh nghiệm nghề nghiệp... Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nghe thông qua các tình huống giao tiếp đơn giản của người bản xứ và chuẩn bị cho sinh viên có đủ kiến thức về kỹ thuật giao tiếp, ứng xử và nói trước công chúng để có đủ khả năng nói về các chủ đề hay thực hiện các hội thoại bằng tiếng Pháp ở bậc 2-3 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
47	TV203	Nghe Nói 3 - PV	3	Học phần giúp sinh viên phát triển khả năng nghe nói thông qua các tình huống giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày như nói về dự định tương lai, về những mối quan tâm và những kinh nghiệm trong cuộc sống, về nhận xét đánh giá liên quan đến một quan điểm, một người hay một sự kiện nào đó... Đồng thời, trong học phần này, sinh viên sẽ được rèn luyện các kiến thức về cách trình bày, thể hiện quan điểm trước một vấn đề nào đó, lập luận và giải thích... thông qua các bài luyện tập kỹ năng nghe được trích từ những kênh thông tin tiếng Pháp. Ngoài ra, sinh viên cũng được hướng dẫn cách tự rèn luyện kỹ năng nghe nói một cách độc lập ở nhà để có đủ kiến thức tham gia vào kỳ thi nghe nói bằng tiếng Pháp ở bậc 3-4 theo khung đánh giá năng lực Ngoại ngữ của Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
48	TV204	Nghe Nói 4 - PV	3	Học phần giúp sinh viên giao tiếp một cách hiệu quả và lưu loát bằng tiếng Pháp trong hầu hết các tình huống gặp phải trong cuộc sống thường nhật và trong công việc. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu và thực hành các kiến thức và kỹ năng về cách thuyết trình một chủ đề trong cuộc sống, nơi làm việc, nơi công cộng.... ; về việc tham gia tranh luận về một chủ đề nào đó hay đưa ra và bảo vệ một đề xuất cá nhân ; đặc biệt là về cách thuyết trình trước công chúng và trao đổi với công chúng sau thuyết trình. Sinh viên cũng sẽ được luyện tập kỹ năng nghe những tài liệu là những đoạn hội thoại về cuộc sống hàng ngày, nơi làm việc, nơi công cộng và các bài đọc thoại về những chủ đề này. Học phần này nhằm chuẩn bị cho sinh viên tiếp cận các kỳ thi chứng chỉ tiếng Pháp quốc tế delf trình độ B1 - B2.	Khoa Ngoại ngữ
49	TV213	Ngữ pháp 1 - PV	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những chủ điểm ngữ pháp tiếng Pháp căn bản để áp dụng vào quá trình giao tiếp theo các chủ điểm giao tiếp cụ thể. Bên cạnh đó, sinh viên vận dụng các kiến thức ngữ pháp học được để ứng dụng vào việc học các kỹ năng ngôn ngữ. Sinh viên có khả năng tự giới thiệu thông tin của bản thân (tên, tuổi, tình trạng gia đình, quốc tịch, sở thích, các thành viên trong gia đình), biết cách đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi theo hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, biết sử dụng thì tương lai gần, thì tương lai đơn. Sinh viên đạt được những kiến thức	Khoa Ngoại ngữ



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				ngữ pháp để áp dụng được vào quá trình giao tiếp theo những tiêu chí yêu cầu tương ứng với trình độ A1.1 theo khung tham chiếu Châu Âu.	
50	TV214	Ngữ pháp 2 - PV	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những chủ điểm ngữ pháp tiếng Pháp căn bản để áp dụng vào quá trình giao tiếp theo các chủ điểm giao tiếp cụ thể. Bên cạnh đó, sinh viên vận dụng các kiến thức ngữ pháp học được để ứng dụng vào việc học các kỹ năng ngôn ngữ. Sinh viên sẽ hiểu được cấu trúc của câu, biết cách dùng các loại đại từ bỏ ngữ, đại từ quan hệ, trạng từ, biết cách chia động từ (điều kiện cách, thì quá khứ kép và quá khứ tiếp diễn) và biết sử dụng các mẫu câu (câu so sánh). Sinh viên đạt được những kiến thức ngữ pháp để áp dụng được vào quá trình giao tiếp theo những tiêu chí yêu cầu tương ứng với trình độ A1.2 và A2.1 theo khung tham chiếu Châu Âu.	Khoa Ngoại ngữ
51	TV215	Ngữ pháp 3 - PV	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về so sánh hơn và so sánh nhất, các trạng từ, đại từ chỉ định và đại từ sở hữu, đại từ thay thế EN/ Y và đại từ thay thế kép, đại từ quan hệ đơn giản và chia động từ ở quá khứ và tương lai để áp dụng vào quá trình giao tiếp theo các chủ điểm giao tiếp cụ thể.	Khoa Ngoại ngữ
52	TV216	Ngữ pháp 4 - PV	2	Học phần bao gồm việc trình bày hệ thống các cấu trúc của câu phức, xác định sự khác biệt giữa cấu trúc câu phức và cấu trúc câu đơn. Thông qua việc diễn đạt các loại ý tưởng trong những tình huống giao tiếp bằng tiếng Pháp, sinh viên có thể xác định được những cấu trúc câu tiêu biểu cho từng loại ý tưởng, bao gồm các cách diễn đạt ý tưởng về : thời gian, nguyên nhân, hậu quả, mục đích, điều kiện v.v	Khoa Ngoại ngữ
53	TV217	Ngữ âm thực hành - PV	2	Học phần giới thiệu cho sinh viên hệ thống ngữ âm tiếng Pháp cũng như phương pháp phiên âm quốc tế. Sau khi học, sinh viên có thể vận dụng kiến thức để nói âm, luyện âm đúng, có ngữ điệu, có thể phiên âm những từ đơn lẻ... để có thể học môn Nghe Nói tốt hơn và sẽ giao tiếp tiếng Pháp thành công. Lớp học phần lớn là các giờ thực hành phát âm trên lớp theo sự hướng dẫn của giáo viên và người bản xứ.	Khoa Ngoại ngữ
54	FL236	Ngữ pháp văn bản tiếng Pháp	2	Học phần giúp sinh viên đánh giá tính mạch lạc về hình thức, nội dung và cấu trúc một văn bản khi tiếp nhận cũng như khi viết. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu và thực hành các kiến thức và kỹ năng về ngữ pháp cấp độ trên câu và cấp độ văn bản như các phép tránh lặp từ, các kiểu liên kết ý trong một đoạn văn, trong cả văn bản, các phương thức phát triển chủ đề, cấu trúc thông tin trong một văn bản, cấu trúc điển hình của các loại hình văn bản....	Khoa Ngoại ngữ
55	FL257	Tình huống phát ngôn tiếng Pháp	2	Học phần giúp sinh viên nhận biết / thể hiện chính xác mục đích, thái độ giao tiếp trong một phát ngôn thông qua việc phân tích các chỉ dấu phát ngôn của nó. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu những kiến thức cơ bản về phân ngành ngôn ngữ "Tình huống phát ngôn" như lịch sử phát triển, đối tượng nghiên cứu, các khái niệm cơ bản của tình huống phát ngôn và rèn luyện kỹ năng phân tích, sản sinh phát ngôn trong những tình huống giao tiếp cụ thể.	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
56	FL270	Ngữ âm thực hành nâng cao - PV	2	Học phần này cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu hơn về các âm trong tiếng Pháp, các cách luyện âm và nói vắn khi đọc tiếng Pháp để đọc đúng và đọc hay tiếng Pháp. Ngoài ra, phần kiến thức về phiên âm quốc tế sẽ giúp người học sẽ nhận biết được các ký hiệu phiên âm trong tiếng Pháp để đọc và viết tiếng Pháp với các ký hiệu phiên âm này. Với kiến thức phần này, người học có thể đọc đúng cả những từ mới chưa từng được học.	Khoa Ngoại ngữ
57	FL228E	Lý luận dạy học tiếng Pháp	2	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, khái niệm cơ bản liên quan đến lý luận dạy học ngoại ngữ nói chung và lý luận dạy học tiếng Pháp nói riêng; các kiến thức về tình huống giao tiếp, kỹ năng giao tiếp và lịch sử các phương pháp dạy học tiếng Pháp - từ các phương pháp truyền thống đến giảng dạy theo hướng tiếp cận giao tiếp.	Khoa Ngoại ngữ
58	SG336	Phương pháp dạy học Tiếng Pháp	2	Học phần giúp người học tiếp cận với các phương pháp giảng dạy và các loại hình hoạt động trên lớp có liên quan đến việc giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ.	Khoa Ngoại ngữ
59	FL271	Phát triển chương trình giảng dạy tiếng Pháp	2	Học phần này là một trong những môn chuyên ngành, cung cấp kiến thức và kỹ năng phát triển chương trình giảng dạy tiếng Pháp bao gồm nghiên cứu chuẩn kỹ năng, sách giáo khoa, phân tích bối cảnh dạy học, tìm tài liệu bổ sung phù hợp, phục vụ công tác giảng dạy bậc phổ thông.	Khoa Ngoại ngữ
60	FL272	Đánh giá kết quả học tập Tiếng Pháp	3	Học phần này giúp sinh viên phân biệt các hình thức kiểm tra và các hình thức đánh giá khác nhau trong quá trình dạy và học; biết ưu, khuyết điểm của từng hình thức kiểm tra - đánh giá để sử dụng thích hợp trong đánh giá kết quả học tập của học sinh; vận dụng phối hợp nhiều hình thức kiểm tra - đánh giá khác nhau để đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh một cách toàn diện; hiểu các bước của qui trình kiểm tra - đánh giá; vận dụng trong thiết kế câu hỏi, thiết kế đề kiểm tra, đánh giá câu hỏi và đánh giá đề kiểm tra theo chuyên ngành; đưa ra nhận định chính xác và tin cậy về sự tiến bộ của học sinh; vận dụng kết quả đánh giá học sinh để đề ra tiến trình bài giảng, kế hoạch dạy học và kế hoạch giáo dục học sinh tiếp theo và hiểu cách xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy.	Khoa Ngoại ngữ
61	FL273E	Khai thác học liệu trực tuyến tiếng Pháp	2	Học phần này là một trong những môn chuyên ngành, cung cấp kiến thức và kỹ năng khai thác nguồn học liệu trên Internet nhằm hỗ trợ cho công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá và phát triển nghiệp vụ sư phạm tiếng Pháp. Học phần giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý luận và kỹ năng thực hành về việc xây dựng nguồn học liệu cá nhân bằng tiếng Pháp thông qua sử dụng các công cụ trực tuyến hiện hành.	Khoa Ngoại ngữ
62	FL274E	Khai thác các phần mềm dạy học tiếng Pháp	2	Học phần này là một trong những môn cơ sở ngành, cung cấp kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ cho công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá và phát triển nghiệp vụ sư phạm tiếng Pháp. Học phần giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý luận và kỹ năng thực hành về dạy học tiếng Pháp thông qua sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin hiện hành.	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
63	FL275	Giảng dạy từ vựng - PV	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về hệ thống từ vựng bao gồm các cách cấu tạo từ, phân biệt các loại từ đồng nghĩa, trái nghĩa,... Qua đó, học phần sẽ giúp người học biết cách sử dụng đúng từ vựng tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp bằng tiếng Pháp. Trên cơ sở các kiến thức học được, sinh viên sẽ hình thành được một số kỹ năng phân tích, suy luận để đoán biết ngữ nghĩa của từ trong câu mà không cần phải tra từ điển.	Khoa Ngoại ngữ
64	FL276	Giảng dạy từ vựng nâng cao - PV	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về hệ thống từ vựng bao gồm các cách cấu tạo từ, các lớp ngữ nghĩa khác nhau của từ vựng, các thành ngữ của từng vùng miền và sự biến đổi của từ ngữ theo dòng thời gian,... Qua đó, học phần sẽ giúp người học biết cách sử dụng đúng, đa dạng và chuyên sâu từ vựng tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp bằng tiếng Pháp. Trên cơ sở các kiến thức học được, sinh viên sẽ hình thành được một số kỹ năng phân tích, suy luận để đoán biết ngữ nghĩa của từ trong câu mà không cần phải tra từ điển.	Khoa Ngoại ngữ
65	SP267	Văn bản khoa học	2	Học phần giúp sinh viên biết được đặc trưng của văn bản khoa học, từ đó có khả năng đánh giá hoặc đảm bảo văn phong, hình thức, nội dung của một văn bản khoa học khi tiếp nhận hoặc khi viết luận văn, tiểu luận. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu những kiến thức khái quát về đặc điểm của văn bản khoa học, cách trình bày tên đề tài, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu, cách viết các phần dẫn nhập và kết luận của một luận văn, tiểu luận, qui tắc trình bày các trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo...	Khoa Ngoại ngữ
66	SP266	Văn bản văn học	2	Học phần giúp sinh viên khám phá cái hay cái đẹp của văn học nói chung và văn bản văn học nói riêng để có thể tự nhận biết cái hay cái đẹp trong văn bản văn học chứ không dừng lại ở cách đọc hiểu từng văn bản một.	Khoa Ngoại ngữ
67	SG347	Trò chơi trong dạy học tiếng Pháp	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và kỹ thuật cơ bản để tổ chức, thiết kế trò chơi với mục tiêu làm cho bài giảng sinh động, học sinh dễ tiếp thu bài hơn.	Khoa Ngoại ngữ
68	SG348	Dạy tiếng Pháp cho trẻ em	2	Học phần trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về giảng dạy tiếng Pháp cho trẻ em, để sinh viên có đủ khả năng phụ trách các lớp song ngữ tiếng Pháp ở bậc tiểu học trong các tỉnh thành khu vực ĐBSCL.	Khoa Ngoại ngữ
69	FL226	Giao thoa văn hóa Tiếng Pháp	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về giao tiếp liên văn hóa và các nét văn hóa đặc trưng một số nước/cộng đồng Pháp ngữ trên thế giới như Pháp, Canada, Bỉ, châu Phi... Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu và thực hành vận dụng những kiến thức khái quát về giao tiếp liên văn hóa như culture, civilisation, multiculturalisme, pluriculturalisme, interculturel, identité, choc culturel, stéréotypes, préjugés...	Khoa Ngoại ngữ
70	FL277	Phương pháp nghiên cứu khoa học Tiếng Pháp	2	Học phần giúp sinh viên làm quen với các thao tác cơ bản trong nghiên cứu như xác định vấn đề nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, đặt tên đề tài, viết tổng quan tài liệu và đề cương nghiên cứu.	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
71	SP269	Kỹ thuật báo cáo chuyên đề	2	Học phần từng bước giúp sinh viên hoạch định, phát triển và thực hiện các bài thuyết trình và rèn luyện các kỹ năng thuyết trình cần thiết cho môi trường học thuật trong suốt thời gian theo học chương trình cũng như phục vụ cho nhu cầu thuyết trình trong công việc tương lai. Trong học phần này, sinh viên được cung cấp lý thuyết về kỹ thuật thuyết trình như các yếu tố chính quyết định chất lượng của 1 bài thuyết trình chuyên nghiệp, cách thiết kế và kết cấu của 1 bài thuyết trình, kiến thức từ vựng và cấu trúc chức năng đủ để phục vụ cho mục đích thuyết trình hiệu quả, cách sử dụng điệu bộ, cử chỉ, cách sử dụng ngữ điệu để hỗ trợ thông điệp cần chuyển tải đến người nghe.	Khoa Ngoại ngữ
72	XH287	Ngữ dụng học - Pháp	2	Học phần giúp sinh viên hiểu chính xác nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn các phát ngôn, ngôn bản mà mình tiếp nhận và biết cách dụng ngữ phù hợp với ngữ cảnh. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu những kiến thức cơ bản về phân ngành ngôn ngữ "ngữ dụng học" như lịch sử phát triển, đối tượng nghiên cứu, các khái niệm cơ bản của ngữ dụng học và rèn luyện kỹ năng phân tích các phát ngôn, ngôn bản dưới góc độ ngữ dụng học, kỹ năng dụng ngữ phù hợp với ngữ cảnh.	Khoa Ngoại ngữ
73	SG367	Ngôn ngữ học đối chiếu - PV	2	Học phần giúp sinh viên phát triển năng lực nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ khác nhau. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu những kiến thức cơ bản về phân ngành Ngôn ngữ học đối chiếu như lịch sử phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu, đối tượng, lĩnh vực và phương pháp nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ.	Khoa Ngoại ngữ
74	TV231	Các loại hình văn bản	2	Học phần có các bài luyện kỹ năng đọc hiểu liên quan đến một số vấn đề về khoa học nhằm giúp sinh viên củng cố vốn từ vựng, ngữ pháp và kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ đã học, đồng thời tăng cường vốn từ vựng dùng trong các loại hình văn bản. Sinh viên được giới thiệu và rèn luyện kỹ năng để hiểu được văn phong, diễn ngôn, cấu trúc văn bản khoa học cũng như suy luận và hiểu được đúng các ý hàm ngôn, tư tưởng, thái độ, quan điểm của người viết trong các văn phong văn bản.	Khoa Ngoại ngữ
75	SG344	Soạn giáo án Tiếng Pháp	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng soạn giảng theo từng kỹ năng ngôn ngữ, phục vụ cho việc học tập học phần tập giảng.	Khoa Ngoại ngữ
76	SG341	Tập giảng Tiếng Pháp	2	Học phần giúp sinh viên phân tích và áp dụng các kỹ thuật lên lớp, thực hiện đúng các bước lên lớp. Sinh viên có khả năng giảng dạy các kỹ năng khác nhau (nghe, nói, đọc, viết, kiến thức ngôn ngữ như từ vựng và ngữ pháp). Sinh viên cũng tăng cường khả năng phân tích và góp ý bài giảng thông qua video.	
77	SP597	Kiến tập sư phạm	2	Kiến tập sư phạm là giai đoạn sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục ở trường phổ thông, mà cụ thể là quan sát, tìm hiểu các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động xã hội của nhà trường. Sinh viên được nghe các báo cáo tình hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động ở trường phổ thông; kinh nghiệm công tác giảng dạy và chủ nhiệm của một số giáo viên tiêu biểu. Ngoài ra, sinh viên còn được dự giờ giáo viên hướng dẫn chuyên môn và chủ nhiệm, tổ chức	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				<p>các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua lớp, tổ chức sinh hoạt đoàn, đội, ... Từ đó, bước đầu hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp cho sinh viên, tích lũy kinh nghiệm chuẩn bị cho giai đoạn thực tập sư phạm.</p> <p>Thời điểm kiến tập sư phạm là học kì I năm thứ ba. Hình thức kiến tập sư phạm là tập trung trong 3 tuần liên tục.</p>	
78	SP598	Thực tập sư phạm	3	<p>Thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên thực hành những kiến thức về các môn khoa học chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học ở trường đại học. Học phần thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên được rèn luyện, thử thách về nhiều mặt: khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tế, năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức, quản lí học sinh. Học phần này giúp sinh viên có cơ hội để tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông, qua đó tiếp tục tăng cường tình cảm và ý thức nghề nghiệp.</p> <p>Thời điểm Thực tập sư phạm là học kỳ 8 năm thứ tư, bắt đầu vào khoảng tháng 01 hàng năm (đầu HK II) và kéo dài 8 tuần liên tục.</p> <p>Hình thức sinh viên đi Thực tập sư phạm là tập trung. Sinh viên được xem là thành viên của trường phổ thông, sẽ chịu sự quản lí, phân công của trường thực tập.</p>	Khoa Sư phạm
79	SP573	Luận văn tốt nghiệp - SP.Tiếng Pháp	10	<p>Luận văn tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm tạo cơ hội cho sinh viên tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy tiếng Pháp.</p>	Khoa Ngoại ngữ
80	SP572	Tiểu luận tốt nghiệp - SP.Tiếng Pháp	4	<p>Học phần giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tế giảng dạy tiếng Pháp.</p>	Khoa Ngoại ngữ
81	FL253	Tiếng Pháp du lịch	3	<p>Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp để có thể đáp ứng nhu cầu công việc của một hướng dẫn viên du lịch. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu những kiến thức về ngành nghề du lịch, văn hóa, lịch sử, địa lý, danh lam thắng cảnh Việt Nam, nội dung công việc hướng dẫn viên du lịch. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp nghề nghiệp như chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, làm quen ban đầu với khách, giới thiệu chương trình tham quan tổng quát và chi tiết, thuyết minh về một địa điểm tham quan, xử lý tình huống...</p>	Khoa Ngoại ngữ
82	FL255	Tiếng Pháp nhà hàng và khách sạn	3	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp để có thể đáp ứng nhu cầu công việc của một tiếp tân khách sạn và nhà hàng. Làm quen với các vị trí trong nhà hàng, khách sạn và biết đặc điểm cũng như những điều cần chú ý của từng công việc, biết xử lý tình huống gặp phải khi làm việc trong những lĩnh vực này qua cách sử dụng từ ngữ, cấu trúc và văn phong bằng tiếng Pháp cho phù hợp.</p>	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
83	SG370	Kỹ thuật biên dịch tư liệu - PV	2	Học phần giúp sinh viên hiểu được một số vấn đề lý thuyết cơ bản về hoạt động dịch thuật và một số kỹ thuật dịch thuật thông dụng, cũng như thực tập trong lớp học nhiều tình huống dịch thuật mà mỗi sinh viên sưu tầm được trong thực tế. Vì thế, sinh viên sẽ có dịp tiếp cận với rất nhiều tình huống khác nhau, qua rất nhiều chủ đề đa dạng mà mỗi sinh viên chọn lựa để thực hành. Ngoài việc rèn luyện kỹ năng thực hành dịch, học phần này còn giúp sinh viên ôn lại một số kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như phát âm, diễn đạt, và những kiến thức ngôn ngữ như ngữ pháp, ngữ nghĩa, từ vựng.	Khoa Ngoại ngữ
84	FL216	Kỹ thuật phiên dịch tiếng Pháp	2	Học phần giúp sinh viên hiểu được một số vấn đề lý thuyết cơ bản về hoạt động phiên dịch và một số kỹ thuật dịch thuật thông dụng, cũng như thực tập trong lớp học nhiều tình huống dịch thuật mà mỗi sinh viên sưu tầm được trong thực tế. Vì thế, sinh viên sẽ có dịp tiếp cận với rất nhiều tình huống khác nhau, qua rất nhiều chủ đề đa dạng mà mỗi sinh viên chọn lựa để thực hành. Ngoài việc rèn luyện kỹ năng thực hành dịch, học phần này còn giúp sinh viên ôn lại một số kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như phát âm, diễn đạt, và những kiến thức ngôn ngữ như ngữ pháp, ngữ nghĩa, từ vựng.	Khoa Ngoại ngữ
85	SP300	Tiếng Pháp thương mại	2	Học phần giúp cho sinh viên làm quen với các vị trí, cách thức tổ chức trong một công ty, doanh nghiệp như những yêu cầu và điều cần chú ý của từng công việc. Biết hình thức soạn thảo hợp đồng lao động, bảo hiểm, mua bán,... trong lĩnh vực này, biết xử lý tình huống gặp phải khi làm việc trong những lĩnh vực này qua cách sử dụng từ ngữ, cấu trúc và văn phong bằng tiếng Pháp cho phù hợp.	Khoa Ngoại ngữ
86	SG372	Văn bản báo chí - PV	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về các thể loại, đặc điểm văn phong của văn bản báo chí, cấu trúc nội dung, hình thức một tờ báo, một bài báo, sự khác nhau giữa báo giấy và báo mạng. Trên cơ sở các kiến thức này, học phần sẽ rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng viết văn bản báo chí cơ bản.	Khoa Ngoại ngữ
87	SG373	Kỹ năng tìm việc - PV	2	Học phần giúp sinh viên nắm cơ bản về thị trường lao động thông qua phân tích thông báo tuyển dụng trong khu vực doanh nghiệp Việt Nam (tiếng Việt) và doanh nghiệp nước ngoài (tiếng Anh/ Pháp), từ đó trang bị kỹ năng lập hồ sơ xin việc phù hợp (đơn xin việc, lý lịch) và chuẩn bị phỏng vấn tuyển dụng.	Khoa Ngoại ngữ

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

## 5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học thì có các hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học thì giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy và học đa dạng: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp dự án, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập, ...

## 6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và đánh giá định kỳ chia làm hai lần: đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp, ...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.



Cần Thơ, ngày 29 tháng 8 năm 2022  
TRƯỞNG BỘ MÔN

Vũ Văn Chương

**PHỤ LỤC**  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**